Scalar Data Types:  
kiểu dữ liệu vô hướng được sử dụng để đại diện cho một giá trị duy nhất. Một số loại dữ liệu thuộc thể loại này, bao gồm Boolean, integer, float, và string

**Boolean**:

Các kiểu dữ liệu Boolean được đặt tên sau khi George Boole (1815-1864), một nhà toán học người được coi

là một trong những cha đẻ của lý thuyết thông tin. Các kiểu dữ liệu Boolean đại diện cho sự thật, hỗ trợ

chỉ có hai giá trị: TRUE và FALSE (trường hợp không nhạy cảm). Ngoài ra, bạn có thể sử dụng bằng không đại diện cho FALSE, và

bất kỳ giá trị khác không đại diện cho TRUE. Một vài ví dụ theo:

$alive = false; // $alive is false.  
$alive = 1; // $alive is true.  
$alive = -1; // $alive is true.  
$alive = 5; // $alive is true.  
$alive = 0; // $alive is false.

Integer

Vd:

42 // decimal  
-678900 // decimal  
0755 // octal  
0xC4E // hexadecimal

Float :

Vd:

4.5678  
4.0  
8.7e4  
1.23E+11

String:

"PHP is a great language"  
"whoop-de-do"  
'\*9subway\n'  
"123$%^789"

$color = "maroon";  
You could retrieve a particular character of the string by treating the string as an array, like this:  
$parser = $color[2]; // Assigns 'r' to $parser

-------------------------------

Compound Data Types

các kiểu dữ liệu phức hợp cho phép cho nhiều mục cùng loại sẽ được tổng hợp dưới một đơn thực thể đại diện. Các mảng và các đối tượng rơi vào thể loại này.

Array

$state[0] = "Alabama";  
$state[1] = "Alaska";  
$state[2] = "Arizona";  
...  
$state[49] = "Wyoming";

Or

$state["Alabama"] = "Montgomery";  
$state["Alaska"] = "Juneau";  
$state["Arizona"] = "Phoenix";  
...  
$state["Wyoming"] = "Cheyenne";

Object

class Appliance {  
private $\_power;  
function setPower($status) {  
$this->\_power = $status;  
}  
}  
...  
$blender = new Appliance;

$bender->setPower(‘on’);